

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **305** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **15** tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

**BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng, Cục trưởng và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ;
- Lưu: VT, KH.



**Trần Tuấn Anh**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 305 /QĐ-BCT  
ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc vận động tài trợ, xây dựng, thẩm định, phê duyệt, ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về vốn tài trợ nước ngoài, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án, hoạt động (sau đây gọi chung là dự án) (không bao gồm các dự án sử dụng nguồn vốn tài trợ nước ngoài của các Tập đoàn, Tổng Công ty do Bộ Công Thương quản lý được bàn giao về Ủy ban quản lý vốn nhà nước) có sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

2. Vốn tài trợ nước ngoài nêu trong Quy chế này bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 16/2016/NĐ-CP), Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 132/2018/NĐ-CP); Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT) và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (sau đây gọi là Nghị định số 93/2009/NĐ-CP).

3. Quy chế này áp dụng cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, các Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến dự án

1. Các hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài phải tuân thủ quy định của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP; Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan khác của Nhà nước.

2. Các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài do các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương xây dựng phải dựa trên quy định tại Khoản 16, Điều 10, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP và Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, Điều 5 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực; kế hoạch trung, dài hạn, định hướng ưu tiên trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và năng lực tiếp nhận vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và sử dụng tài trợ của đơn vị đề xuất.

3. Các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện triển khai thực hiện.

4. Đầu mối thực hiện thủ tục, chức năng quản lý nguồn vốn tài trợ nước ngoài của Bộ Công Thương

4.1. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo là đơn vị đầu mối vận động và hoàn tất các thủ tục cần thiết để tiếp nhận các dự án ODA, huy động nguồn vốn ODA và vốn ưu đãi để thực hiện các dự án trong lĩnh vực điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái tạo;

4.2. Vụ Kế hoạch là đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, viện trợ PCPNN của các nhà tài trợ nước ngoài theo quy định của pháp luật (không bao gồm các dự án ngành điện); đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Bộ;

## **Chương II**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ XUẤT VÀ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

#### **Điều 3. Lập đề xuất dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài**

1. Đề xuất dự án chỉ được lập đối với dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại Phụ lục II của Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, và không phải lập Đề xuất đối với dự án đầu tư, dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.

2. Định kỳ hàng năm, vào thời điểm xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi các đơn vị trực thuộc hướng dẫn việc đề xuất



Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch vận động tài trợ hàng năm, trên cơ sở tình hình và yêu cầu quản lý các dự án nguồn tài trợ nước ngoài của Bộ, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch vận động tài trợ trung hạn (03 đến 05 năm) để trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định làm căn cứ thực hiện hàng năm.

3. Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Thị trường châu Á – châu Phi, Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch làm việc với các nhà tài trợ và các đối tác quốc tế; tổ chức hội nghị hoặc diễn đàn vận động vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi để vận động tài trợ và hợp tác cho từng hoạt động cụ thể theo quy định hiện hành. Nguồn kinh phí cho hoạt động này được bố trí từ nguồn ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương.

4. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, căn cứ tiêu chí để lựa chọn Đề xuất dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo Bộ xem xét, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề nghị tài trợ kèm theo đề xuất dự án theo quy định.

Trong trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, thành lập Hội đồng thẩm định đề xuất dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trước khi trình Lãnh đạo Bộ ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Trên cơ sở Đề xuất dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Vụ Kế hoạch hướng dẫn đơn vị đề xuất lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục: IIIa, IIIb, IIIc, IV Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

6. Đối với dự án vận động tài trợ không trùng với thời điểm hướng dẫn của Bộ Công Thương nêu tại khoản 2 Điều này, đơn vị đề xuất dự án gửi đề xuất dự án về Vụ Kế hoạch để báo cáo Bộ thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành.

7. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ (PCP) nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án**

1. Bộ Công Thương là cơ quan quản lý cấp trên của Chủ đầu tư tất cả các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các khoản viện trợ PCP nước ngoài do Bộ quản lý.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Chính phủ, dự án nhóm A theo Điều 8 Luật Đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và Đối mới doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trình Bộ trưởng văn bản đề trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Đầu tư công và Điều 15 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP

3. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A:

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

4. Đối với việc tiếp nhận các khoản hỗ trợ ngân sách

4.1. Đối với các dự án ngành điện: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách đề nghị thẩm định theo quy định tại Điều 16a, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

4.2. Đối với các dự án còn lại: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu về khoản hỗ trợ ngân sách đề nghị thẩm định theo quy định tại Điều 16a, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

5. Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương:

5.1. Vụ Kế hoạch báo cáo Lãnh đạo Bộ ký văn bản kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan về chủ trương đầu tư.

5.2. Căn cứ ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, ý kiến thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án và phương thức cho vay lại: Vụ Kế hoạch chủ trì, tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan, đơn vị liên quan trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.

5.3. Đơn vị đề xuất dự án hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi về Vụ Kế hoạch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan, đơn vị liên quan.

5.4. Sau khi Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được chỉnh sửa theo các ý kiến thẩm định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Vụ Kế hoạch dự thảo quyết định chủ trương đầu tư theo nội dung quy định tại Điều 30d, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Lãnh đạo Bộ phê duyệt, quyết định chủ trương đầu tư kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi và chuẩn bị thực hiện các bước tiếp theo.

## **Điều 5. Các hoạt động thực hiện trước**



1. Sau khi chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định, các hoạt động thực hiện trước thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở thống nhất với nhà tài trợ, chủ dự án báo cáo Bộ Công Thương các hoạt động thực hiện trước (nếu có).

### **Chương III**

## **LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN, PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN, PHI DỰ ÁN**

### **Điều 6. Xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện dự án**

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi được lập đối với dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại; Văn kiện dự án được lập đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi, văn kiện dự án được lập theo mẫu quy định tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, bao gồm: Mẫu báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng nêu tại Phụ lục V; Mẫu Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư có cấu phần xây dựng nêu tại Phụ lục VI; Mẫu Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình nêu tại Phụ lục VIII; Văn kiện dự án, phi dự án theo Mẫu tại Phụ lục VII.

3. Đối với dự án phải lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, sau khi dự án ODA và vốn vay ưu đãi được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài xây dựng văn kiện dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi.

4. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công Thương, chủ dự án không cần lập đề xuất, Báo cáo chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài xây dựng văn kiện dự án theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Văn kiện dự án viện trợ PCP nước ngoài được lập theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

### **Điều 7. Thẩm định quyết định đầu tư dự án**

1. Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ thực hiện trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, Điều 26, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện dự án ODA và vốn vay ưu đãi được lập theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, và Khoản 2b, Điều 30đ, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

3. Nội dung thẩm định văn kiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP, và Khoản 2a, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

4. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 1, Điều 25, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP: Vụ Kế hoạch chủ trì, báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi văn bản đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Văn kiện dự án, và trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 5, Điều 26, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

5. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 1, Điều 30a, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (đối với dự án ngành điện), Vụ Kế hoạch (đối với các dự án còn lại) chủ trì, căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 30c, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

6. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương:

6.1. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và Đối mới doanh nghiệp và các đơn vị liên quan chủ trì thẩm định đối với các dự án ngành điện; Vụ Kế hoạch chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, Vụ Tài chính và Đối mới doanh nghiệp và các đơn vị liên quan thuộc Bộ thẩm định đối với các dự án còn lại.

6.2. Dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại: trình tự, thủ tục thẩm định được thực hiện theo quy định tại các khoản 6, Điều 26 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại: trình tự, thủ tục thẩm định được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 30đ, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, cụ thể quy trình như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (đối với các dự án ngành điện), Vụ Kế hoạch (đối với các dự án còn lại) báo cáo Lãnh đạo Bộ gửi văn bản lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án, ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án và các cơ quan khác về những nội dung có liên quan;

- Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện dự án và gửi về Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Vụ Kế hoạch trong thời hạn 15 ngày làm việc;

- Không quá 20 ngày làm việc, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Vụ Kế hoạch chủ trì, thẩm định văn kiện dự án thông qua hình thức tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan.



cáo kết quả thẩm định và dự thảo quyết định đầu tư dự án, trình Bộ trưởng phê duyệt.

- Sau khi Quyết định được Bộ trưởng ký ban hành, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Quyết định đầu tư dự án kèm theo văn kiện dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Bộ phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng ban hành, quyết định đầu tư dự án kèm theo văn kiện dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Bộ phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan để giám sát và phối hợp thực hiện.

7. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài, hồ sơ thẩm định, nội dung, quy trình và thời hạn thẩm định, phê duyệt thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 19 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với các dự án ngành điện, Cục Điện lực và năng lượng tái tạo chủ trì; đối với dự án còn lại, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt theo thẩm quyền hoặc ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện viện trợ phi dự án có đóng dấu giáp lai được gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày làm việc.

## **Chương IV**

### **KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

#### **Mục 1**

#### **KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

**Điều 8. Đề xuất, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA và vốn vay ưu đãi**

1. Cơ sở đề xuất, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi

a. Đối với dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi và dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư được phê duyệt và quyết định đầu tư dự án;



b. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: Văn kiện dự án, phi dự án và Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.

2. Các đơn vị có dự án chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các dự án ngành điện; phối hợp Vụ Kế hoạch và các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các dự án còn lại:

a) Trình Bộ trưởng ký văn bản trình Chính phủ việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA viện trợ không hoàn lại đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định tại Khoản 1, Điều 32, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

b) Trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Cơ quan đề xuất tại Khoản 2, 3, 4, Nội dung sửa đổi số 29, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, trình Chính phủ ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về vốn ODA, vốn vay ưu đãi với Nhà tài trợ theo quy định.

**Điều 9. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi**

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn điều ước quốc tế về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo Điều 33, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Đối với việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, các đơn vị có dự án chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các đơn vị liên quan đối với các dự án ngành điện; với các dự án còn lại, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Mục 2**

### **KÝ KẾT THỎA THUẬN VỀ VỐN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI**

**Điều 10. Đề xuất, ký kết thỏa thuận về ODA và vốn vay ưu đãi**

1. Cơ sở đề xuất, ký kết thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi là điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi (trong trường hợp có ký kết điều ước quốc tế), văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định đầu tư dự án.

2. Các đơn vị có dự án chủ trì, phối hợp Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các đơn vị liên quan đối với các dự án ngành điện; đối với các dự án còn lại, các đơn vị có dự án phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan:

2.1. Trình Bộ trưởng ký văn bản trình Thủ tướng Chính phủ về việc ký kết thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại đối với các dự án theo quy định tại Khoản 1, Điều 35, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2.2. Trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Cơ quan đề xuất tại Khoản 2, 3, 4, Nội dung sửa đổi số 30, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, trình Chính phủ ký kết thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi với Nhà tài trợ theo quy định.

**Điều 11. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi**

1. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi ký kết nhân danh Nhà nước thực hiện theo Khoản 1, Điều 36, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ thực hiện theo Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn ODA viện trợ không hoàn lại của Bộ Công Thương nhân danh Chính phủ: Các đơn vị có dự án chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo Bộ theo quy định Khoản 3, Nội dung sửa đổi số 31, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung và gia hạn thỏa thuận về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nhân danh Chính phủ đã được Thủ tướng: Các đơn vị có dự án chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo Bộ theo quy định Khoản 3a, Nội dung sửa đổi số 31, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

5. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu xây dựng thỏa thuận mẫu hoặc thỏa thuận khung về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo Khoản 3b, Nội dung sửa đổi số 32, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

6. Trường hợp điều ước quốc tế, hoặc thỏa thuận quốc tế về vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi có yêu cầu ý kiến pháp lý của Bộ Tư pháp thực hiện theo Khoản 3c, Nội dung sửa đổi số 32, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

**Điều 12. Đàm phán, ký kết viện trợ PCP nước ngoài**

Công tác đàm phán, ký kết viện trợ PCP nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

**Điều 13. Hình thức tổ chức quản lý dự án**

1. Hình thức tổ chức, quản lý dự án thực hiện theo văn kiện dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng: áp dụng hình thức tổ chức, quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Trường hợp còn lại, người quyết định đầu tư căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện, năng lực tổ chức quản lý dự án của chủ dự án, quy định về tổ chức quản lý vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài để lựa chọn hình thức quản lý dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 37, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 14. Ban quản lý dự án**

1. Nguyên tắc chung trong việc thành lập Ban quản lý dự án:

1.1. Việc thành lập Ban quản lý dự án (nếu có) phải được nêu trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Xem xét khả năng sử dụng các Ban quản lý dự án hiện có để giảm chi phí quản lý trên cơ sở sử dụng năng lực, kinh nghiệm của bộ máy và các cán bộ quản lý. Trường hợp Ban quản lý dự án hiện có không đủ điều kiện để quản lý thêm dự án mới thì chủ dự án thành lập Ban quản lý dự án mới để quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn.

2. Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi có quyết định đầu tư, người có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Ban quản lý dự án. Trường hợp chủ dự án có đầy đủ tư cách pháp nhân, Bộ trưởng Bộ Công Thương có thể ủy quyền cho chủ dự án ban hành quyết định thành lập Ban Quản lý dự án (trừ trường hợp Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực thành lập theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng).

2.1 Đối với dự án do Bộ quyết định thành lập Ban quản lý dự án: Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, và các đơn vị chức năng có liên quan trình Lãnh đạo Bộ quyết định.

2.2 Đối với dự án còn lại:

Chủ dự án, sau khi thống nhất ý kiến bằng văn bản của Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và đổi mới doanh nghiệp quyết định thành lập Ban quản lý dự án theo quy định hiện hành.

2.3 Tại một thời điểm, mỗi cán bộ thuộc biên chế của Bộ (biên chế của đơn vị chủ dự án) chỉ được tham gia (làm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán hoặc Kế toán trưởng) không quá 02 dự án. Trường hợp đặc biệt, chủ dự án báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 43, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án, cơ quan quyết định thành lập Ban quản lý dự án có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án.



4. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

5. Trong trường hợp sử dụng Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới

Căn cứ quyết định thành lập Ban quản lý dự án hiện hành, chủ dự án báo cáo Lãnh đạo Bộ tiến hành bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý dự án đang hoạt động để quản lý chương trình, dự án mới.

6. Trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ dự án tự quản lý dự án của mình để trực tiếp quản lý thực hiện dự án

Chủ dự án phải có quyết định bằng văn bản phân công và giao nhiệm vụ bổ sung cho đơn vị, cá nhân trực thuộc thực hiện các hoạt động quản lý chương trình, dự án theo quy định hiện hành của pháp luật, theo đó tối thiểu phải có một cán bộ đầu mối về quản lý và một cán bộ đầu mối theo dõi tài chính, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách và phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí đảm nhận.

7. Trong trường hợp nhà tài trợ nước ngoài trực tiếp quản lý một phần, hay toàn bộ chương trình theo quy định tại điểm đ, d, Khoản 2, Điều 37, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, chủ dự án báo cáo Lãnh đạo Bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 6, 7, Điều 39, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

8. Các quyết định của chủ dự án, chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài nêu tại Khoản 2 đến Khoản 7 Điều này, hợp đồng thuê tư vấn trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án phải được gửi về Bộ Công Thương để theo dõi, quản lý.

### **Điều 15. Ban chỉ đạo dự án**

1. Ban chỉ đạo dự án được Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét thành lập đối với dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp và liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ. Trưởng ban chỉ đạo là một Lãnh đạo Bộ Công Thương; thành phần Ban chỉ đạo dự án là đại diện lãnh đạo của đơn vị có dự án, đại diện lãnh đạo các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Đối mới doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ, Pháp chế và các cơ quan, đơn vị có liên quan; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo dự án được quy định cụ thể trong quyết định thành lập.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ hướng dẫn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều 4 Quy chế này, chủ dự án gửi Vụ Tổ chức cán bộ hồ sơ trình phê duyệt thành lập Ban chỉ đạo dự án, bao gồm:

- Văn bản cử cán bộ tham gia Ban chỉ đạo dự án của các cơ quan, đơn vị liên quan.

3. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban chỉ đạo dự án.

**Điều 16. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi**

1. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, điều kiện dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn được thực hiện theo quy định tại Điều 45a, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP

2. Nguyên tắc, căn cứ lập kế hoạch đầu tư hàng năm vốn ODA, vốn vay ưu đãi, điều kiện dự án được bố trí kế hoạch đầu tư hàng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 45b, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

3. Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn là một phần của kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Công Thương: Vụ Kế hoạch chủ trì hướng dẫn các đơn vị lập, thẩm định, và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn theo quy định hiện hành.

4. Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi hàng năm là một phần kế hoạch đầu tư công hàng năm của Bộ Công Thương và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công và kế hoạch ngân sách hàng năm của Bộ.

4.1. Trước thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm 30 ngày, căn cứ kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung và kế hoạch tổng thể thực hiện dự án đã được Bộ phê duyệt, chủ dự án trình Bộ phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm.

Nội dung của kế hoạch thực hiện dự án hàng năm theo quy định tại Khoản 2, Điều 47, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.

4.2. Hồ sơ trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm bao gồm:

- Văn bản đề nghị Bộ phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm;
- Quyết định đầu tư và văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Kế hoạch thực hiện dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi trung hạn và kế hoạch tổng thể thực hiện dự án;
- Ý kiến của nhà tài trợ về kế hoạch thực hiện năm của dự án.

4.3. Đối với dự án ngành điện, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì; đối với dự án khác, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ xem xét phê duyệt. Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày Lãnh đạo Bộ ký ban hành Quyết định phê duyệt làm theo kế hoạch thực hiện



dự án hàng năm phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ theo quy định.

5. Thực hiện và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ODA, vốn vay ưu đãi được thực hiện theo quy định tại Điều 45c, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

### **Điều 17. Đấu thầu**

Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 52, Nghị định số 16/2018/NĐ-CP. Chủ dự án chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (đối với các dự án ngành điện), Vụ Kế hoạch (đối với các dự án còn lại), Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, và các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ, thực hiện theo quy định hiện hành về đấu thầu.

### **Điều 18. Điều chỉnh nội dung dự án**

Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có điều chỉnh thì thực hiện theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP và Nghị định số 93/2009/NĐ-CP. Chủ dự án, chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài có văn bản báo cáo Bộ Công Thương việc điều chỉnh dự án.

1. Trường hợp điều chỉnh nội dung dự án trong quá trình thực hiện:

1.1. Làm thay đổi về nội dung trong Quyết định chủ trương đầu tư nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

- Đối với các dự án ngành điện: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định Khoản 1a, Nội dung sửa đổi số 37, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

- Đối với các dự án còn lại: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại Khoản 1a, Nội dung sửa đổi số 37, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

1.2. Làm thay đổi nội dung Quyết định đầu tư nhưng không dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi: Đối với các dự án ngành điện, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì; đối với các dự án còn lại, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ sửa đổi, bổ sung Quyết định đầu tư hoặc báo cáo Lãnh đạo Bộ trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trường hợp điều chỉnh dự án dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi:

2.1. Đối với điều chỉnh nội dung dự án trong quá trình thực hiện dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Quyết định chủ trương thực hiện, Chủ dự án chủ trì phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (đối với các dự án ngành điện), Vụ Kế hoạch (đối với các dự án còn lại)



2.2. Đối với điều chỉnh nội dung dự án dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định đầu tư hoặc Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, Chủ dự án chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo (đối với dự án ngành điện), Vụ Kế hoạch (đối với các dự án còn lại) và các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 2b, Mục 37, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP

3. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài:

3.1. Dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài, đối với dự án đầu tư trong ngành điện, Cục Điện lực và năng lượng tái tạo chủ trì; đối với dự án khác, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xử lý theo quy định.

3.2. Dự án do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt: trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài, đối với dự án đầu tư trong ngành điện, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì; đối với dự án khác, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

### **Điều 19. Nghiệm thu, bàn giao**

Nghiệm thu, bàn giao dự án nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 54, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP; các khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng, việc nghiệm thu, bàn giao quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng và quy định của nhà tài trợ.

2. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, việc nghiệm thu, thực hiện theo quy định kiểm tra, nghiệm thu của các lĩnh vực quản lý chuyên môn thuộc Bộ Công Thương và quy định của nhà tài trợ. Sau khi kết thúc thực hiện dự án, chủ dự án tổ chức nghiệm thu hoàn thành và bàn giao sản phẩm có sự tham gia của đại diện các Vụ: Tài chính và Đối mới doanh nghiệp, Kế hoạch, Tổ chức cán bộ; Pháp chế và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và đề xuất việc khai thác và phát huy kết quả đạt được của dự án.

2.1. Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện dự án, chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo kết thúc dự án theo quy định hiện hành gửi Bộ Công Thương để phê duyệt dự án hoàn thành theo Quy chế quản lý các đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn của Bộ và các quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Căn cứ quyết định phê duyệt dự án hoàn thành, chủ dự án gửi báo cáo kết thúc tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định hiện hành.

3. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện dự án. Chủ tịch Hội đồng là một Lãnh đạo Bộ, các thành viên là đại diện lãnh đạo các Vụ: Tài chính và Đối mới doanh nghiệp, Kế hoạch, Tổ chức cán bộ, Pháp chế và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

chức cán bộ, Pháp chế và lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan đến dự án.

### **Điều 19. Giám sát, đánh giá**

1. Việc giám sát và đánh giá các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 về Giám sát và đánh giá đầu tư (sau đây được viết tắt là Nghị định 84/2015/NĐ-CP); những vấn đề khác biệt do đặc thù của việc sử dụng các nguồn vốn này, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

2. Nội dung giám sát, đánh giá của dự án: thực hiện theo quy định về nội dung giám sát, đánh giá tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 của Nghị định 84/2015/NĐ-CP.

#### **3. Trách nhiệm giám sát, đánh giá dự án**

3.1. Đối với các dự án ngành điện: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ, Pháp chế và các cơ quan liên quan khác tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án và sự tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ về quản lý dự án ít nhất mỗi năm một lần đối với từng dự án.

3.2. Đối với các dự án còn lại: Vụ Kế hoạch là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các Vụ: Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ, Pháp chế và các cơ quan liên quan khác tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án và sự tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam và quy định của nhà tài trợ về quản lý dự án ít nhất mỗi năm một lần đối với từng dự án.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị đầu mối thực hiện giám sát chương trình, dự án:

4.1. Trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt kế hoạch hàng năm về công tác giám sát, đánh giá chương trình, dự án trong phạm vi trách nhiệm được giao và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

4.2. Giúp Bộ trưởng hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đối với các đơn vị trực thuộc, các dự án được Bộ phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới;

4.3. Tổng hợp, phân tích và lập báo cáo trình Lãnh đạo Bộ để gửi các cơ quan liên quan về giám sát, đánh giá chương trình, dự án theo nội dung và thời hạn Nhà nước quy định.

5. Mẫu Báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về Mẫu Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư.



6.1. Kinh phí bố trí từ nguồn vốn ODA, vay ưu đãi hoặc vốn đối ứng và phải được xác định trong văn kiện dự án;

6.2. Nội dung chi phí cho công tác giám sát và đánh giá dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 53, Nghị định 84/2015/NĐ-CP về giám sát và đánh giá đầu tư.

6.3. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 54, Nghị định 84/2015/NĐ-CP về giám sát, đánh giá đầu tư.

7. Việc giám sát, đánh giá các dự án sử dụng viện trợ PCPNN thực hiện theo quy định về giám sát, đánh giá việc thực hiện viện trợ phi chính phủ nước ngoài của Nghị định 93/2009/NĐ-CP.

### **Điều 20. Báo cáo thực hiện dự án**

1. Vụ Kế hoạch là đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo cấp cơ quan chủ quản để gửi các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành; là đơn vị đầu mối của Bộ Công Thương trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan về các dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài do Bộ quản lý. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và Các Vụ: Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ, Pháp chế theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp cung cấp thông tin.

2. Việc báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo các quy định tại Điều 23 Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT; chế độ báo cáo như sau:

2.1. Chủ dự án lập báo cáo quý, 6 tháng và cả năm theo mẫu IV-GSĐG 1, báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công theo mẫu IV-GSĐG 2, báo cáo giám sát đánh giá khi điều chỉnh dự án theo mẫu IV-GSĐG 3 và báo cáo kết thúc dự án theo mẫu IV-GSĐG 4, Phụ lục IV Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT gửi Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan (Bộ quản lý ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và nhà tài trợ), đồng thời cập nhật trực tuyến vào Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Báo cáo quý, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc quý; báo cáo năm, chậm nhất 20 ngày sau khi kết thúc năm; báo cáo giám sát đánh giá trước khi khởi công 15 ngày; báo cáo kết thúc dự án trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thực hiện dự án.

- Đối với báo cáo gửi Bộ Công Thương, chủ dự án gửi đồng thời đến các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp.

2.2. Đối với báo cáo hàng quý của Bộ Công Thương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp và các chủ dự án thực hiện theo quy định hiện hành.



Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo là đầu mối lập báo cáo hàng quý đối với các dự án ngành điện theo mẫu IV-GSDG 5 trong phụ lục IV của Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT gửi Vụ Kế hoạch chậm nhất 18 ngày sau khi kết thúc quý để tổng hợp báo cáo chung của Bộ Công Thương gửi các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; chế độ báo cáo như sau:

3.1. Chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài xây dựng và gửi báo cáo 6 tháng chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo; báo cáo năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau; báo cáo kết thúc, chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài cho Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3.2. Đối với báo cáo tổng hợp hàng năm về kết quả vận động viện trợ, về tình hình thực hiện các khoản viện trợ của Bộ Công Thương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài và các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định hiện hành.

3.3. Các biểu mẫu báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài theo hướng dẫn tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

## **CHƯƠNG VI**

### **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH DỰ ÁN**

#### **Điều 21. Mở và quản lý tài khoản thanh toán**

1. Tất cả các dự án phải mở tài khoản nguồn vốn tại hệ thống Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ để tiếp nhận nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi cho các hoạt động của dự án.

2. Chủ dự án thực hiện mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi tại hệ thống Kho bạc nhà nước, ngân hàng phục vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 56a, Điều 56b, Điều 56c, Điều 56d, Điều 56đ, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.

#### **Điều 22. Kế hoạch tài chính hàng năm của dự án**

1. Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) theo quy định hiện hành, các chủ dự án căn cứ danh mục tài trợ/vấn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ và khả năng thực hiện dự án, các hướng dẫn về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước, các chế độ và định mức chi tiêu hiện hành để tiến hành lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo (gồm cả vốn tài trợ và vốn đối ứng) tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách

Trong trường hợp dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm, chủ dự án lập kế hoạch bổ sung ngân sách năm của đơn vị, gửi Bộ Công Thương để xem xét, xử lý từng trường hợp cụ thể.

2. Việc giao dự toán ngân sách (gồm cả vốn tài trợ và vốn đối ứng) cho các chủ dự án (đơn vị dự toán trực thuộc Bộ) được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Việc phê duyệt kế hoạch và dự toán chi tiết hàng năm được thực hiện như sau: trong trường hợp văn kiện dự án chưa phân khai kế hoạch tài chính chi tiết theo năm, hoặc trong quá trình thực hiện có sự thay đổi kế hoạch tài chính năm, chủ dự án có trách nhiệm căn cứ vào dự toán được giao và khả năng triển khai thực tế để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) kế hoạch tài chính vốn tài trợ chi tiết theo năm, phê duyệt dự toán chi tiết làm căn cứ thực hiện.

## **Điều 23. Vốn đối ứng và vốn tài trợ**

### **1. Vốn đối ứng**

1.1. Trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án phải xác định rõ về mức vốn, nguồn vốn đối ứng đóng góp bằng tiền và hiện vật trong dự án theo nguyên tắc: ngân sách Trung ương đảm bảo vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương là chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện; ngân sách địa phương đảm bảo bố trí vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các cơ quan địa phương là chủ dự án. Trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế.

1.2. Căn cứ văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp chủ trì cân đối vốn đối ứng từ nguồn chi thường xuyên; và Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp cân đối vốn đối ứng từ nguồn chi đầu tư phát triển trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

### **2. Vốn tài trợ**

2.1. Vốn tài trợ nước ngoài phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách và quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2.2. Cơ chế tài chính trong nước sử dụng các nguồn vốn tài trợ cho dự án (cấp phát từ NSNN, cho vay lại từ NSNN, hoặc cấp phát một phần, cho vay lại một phần từ NSNN) và tính chất sử dụng vốn của dự án (dự án xây dựng cơ bản, dự án hành chính sự nghiệp, dự án cho vay lại/tín dụng hay dự án hỗn hợp cả cấu phần chi xây dựng cơ bản và cấu phần chi hành chính sự nghiệp) phải được xác định theo từng dự án và quy định trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

2.3. Ngoại trừ những quy định được thoả thuận riêng trong các hiệp định với nhà tài trợ, các khoản chi tiêu và mua sắm tài sản của dự án phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

với các khoản chi tiêu và mua sắm tại Việt Nam, phải do phía Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm.

## **Điều 24. Quản lý tài sản và quyết toán**

1. Việc quản lý tài sản hình thành từ nguồn tài trợ nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ; Điều 15 Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế (nếu có).

### **2. Quyết toán dự án**

2.1. Các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được quyết toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2.2. Quyết toán các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc nguồn vốn sự nghiệp (kể cả phần vốn sự nghiệp của dự án hỗn hợp):

- Quyết toán năm: Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nguồn tài trợ, tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của đơn vị và gửi Bộ Công Thương. Mẫu biểu, thời gian báo cáo quyết toán kinh phí của các dự án thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), kèm theo bản thuyết minh chi tiết kinh phí quyết toán theo từng nguồn vốn (vốn vay, viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng). Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, và các đơn vị liên quan thẩm định và thông báo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

- Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

- Quyết toán khi kết thúc dự án: Trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc dự án, trên cơ sở báo cáo quyết toán hàng năm của dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo tài chính của toàn bộ dự án (chi tiết theo từng nguồn vốn nước ngoài, vốn đối ứng) và báo cáo tài sản, công nợ và các vấn đề tồn tại khác; kiểm tra và đề xuất phương án xử lý tài sản, công nợ và các vấn đề khác có liên quan trình Bộ Công



hoạch, và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo, Bộ trưởng phê duyệt và gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về NSNN.

2.3. Quyết toán các khoản viện trợ theo hình thức phi dự án: đơn vị tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tổng hợp các nhiệm vụ chi từ nguồn tài trợ nước ngoài vào báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị mình, gửi đơn vị dự toán cấp trên thẩm tra, xét duyệt theo quy định hiện hành.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 25. Tổ chức thực hiện**

1. Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp và Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đúng các quy định trong Quy chế này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Vụ Kế hoạch để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.